

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	2
1. Lý do chọn đề tài.....	2
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu:	2
4. Nhiệm vụ nghiên cứu:	3
5. Giới hạn của đề tài:	3
6. Phương pháp nghiên cứu.....	3
7. Phạm vi và kế hoạch nghiên cứu.....	3
PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN CHO HỌC SINH LỚP 1	4
1. Tầm quan trọng của việc dạy môn toán cho học sinh tiểu học.....	4
2. Mục tiêu dạy học môn Toán lớp 1	4
3. Đặc điểm chung của học sinh khi giải toán có lời văn ở lớp 1	5
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VIỆC DẠY GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN Ở LỚP 1	7
1. Đặc điểm chung của trường	7
2. Một số đặc điểm của học sinh khi giải toán có lời văn ở lớp 1	7
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN CHO HỌC SINH LỚP 1	9
1. Biện pháp thứ nhất: Nguyên cứu nắm vững nội dung chương trình môn toán lớp 1.....	9
2. Biện pháp thứ hai: Giúp học sinh lớp 1 ham thích học giải toán có lời văn.	17
3. Biện pháp thứ ba: Rèn kĩ năng nhìn tranh, nêu phép tính.	18
4. Biện pháp thứ tư: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề toán.	20
5. Biện pháp thứ năm: “ <i>Hướng dẫn học sinh lựa chọn lời giải, phép tính và viết đáp số</i> ”	23
CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ	29
1. Giáo viên:	29
2. Học sinh:	29
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	30
1. Kết luận	30
2. Bài học kinh nghiệm:	30
3. Khuyến nghị với các cấp:.....	30

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Môn Toán là một trong những môn học giữ vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo của bậc tiểu học, môn học này đã góp phần to lớn trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Khả năng giáo dục của môn toán rất phong phú, bên cạnh việc cung cấp kiến thức kỹ năng tính toán, môn toán còn giúp học sinh phát triển năng lực tư duy, khả năng suy luận trau dồi trí nhớ, giải quyết vấn đề có căn cứ khoa học, chính xác. Học toán còn giúp học sinh phát triển trí thông minh, tư duy độc lập sáng tạo, kích thích óc tò mò, tự khám phá và rèn luyện một cách làm việc khoa học, góp phần giáo dục ý chí, đức tính chịu khó, nhẫn nại, cần cù trong học tập.

Trong dạy toán ở tiểu học nói chung và lớp 1 nói riêng, giải toán (có lời văn) là một trong nội dung dạy học quan trọng bậc nhất vì nó được coi là hoạt động nhằm hai mục tiêu: Thứ nhất giải toán có lời văn giúp học sinh củng cố vận dụng những kiến thức toán học, kỹ năng tính toán vận dụng giải quyết vào thực tế cuộc sống. Thứ hai, giải toán có lời văn giúp phát triển tư duy cho học sinh.

Qua nhiều năm dạy lớp 1 tôi nhận thấy "Nội dung dạy học giải toán có lời văn" là một nội dung mà trong quá trình dạy của cô và hoạt động học tập của trò còn bộc lộ nhiều hạn chế về phương pháp giải toán cũng như khả năng diễn đạt lời giải, trình bày phép tính khi giải toán có lời văn.

Muốn khắc phục những khó khăn và hạn chế đó người giáo viên cần nắm vững nội dung, cũng như lựa chọn vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học giải toán có lời văn ở lớp 1. Đặc biệt là dạy học theo định hướng đổi mới phương pháp nhằm phát huy tính tích cực chủ động chiếm lĩnh kiến thức của học sinh. Vì vậy đề tài này tôi xin được mạnh dạn trình bày: "**Một số kinh nghiệm dạy giải toán có lời văn cho học sinh lớp 1**".

2. Mục đích nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng việc giải toán có lời văn của HS lớp 1, thông qua đó đề ra biện pháp dạy giải toán có lời văn cho HS lớp 1 do tôi chủ nhiệm một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu:

3.1. Khách thể: Phương pháp dạy toán ở tiểu học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu một số biện pháp giảng dạy giúp học sinh lớp 1 giải tốt bài toán có lời văn, thông qua môn toán.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Nghiên cứu một số vấn đề cơ sở lý luận về phương pháp dạy toán ở tiểu học.

- Tiến hành điều tra việc giải toán có lời văn ở lớp 1, phân tích những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong việc giải toán có lời văn của học sinh, từ đó đề ra các biện pháp giúp học sinh lớp 1 giải toán có lời văn tốt hơn.

5. Giới hạn của đề tài:

- Nghiên cứu về thực trạng và biện pháp dạy giải toán có lời văn cho HS lớp 1.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

- Nghiên cứu các tài liệu về phương pháp giảng dạy môn toán lớp 1.
- Nghiên cứu các văn bản chỉ đạo liên quan đến việc dạy toán.

6.2. Phương pháp nghiên cứu thực tế

- Phương pháp điều tra:
 - + Lập danh sách học sinh giải toán có lời văn theo dõi, thống kê quá trình tiến bộ của học sinh khi giải toán có lời văn.
 - + Liệt kê các dạng bài giải toán có lời văn trong chương trình từ dễ đến khó để hướng dẫn cho phù hợp với khả năng của học sinh.
- Phương pháp quan sát.
- Phương pháp hỏi đáp.
- Phương pháp phỏng vấn.
- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm.

6.3. Nhóm phương pháp hỗ trợ khác

- Phương pháp động não.
- Phương pháp thống kê toán học.
- Phương pháp luyện tập thực hành.

7. Phạm vi và kế hoạch nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trong năm học 2016 - 2017: Từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 5 năm 2017.

PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN CHO HỌC SINH LỚP 1

1. Tầm quan trọng của việc dạy môn toán cho học sinh tiểu học

Trong thời kì công nghiệp hoá hiện đại hóa đất nước, ngành giáo dục luôn được Đảng và nhà nước quan tâm hàng đầu “ Giáo dục là quốc sách hàng đầu” Vì đây là động lực thúc đẩy góp phần làm cho nền kinh tế đất nước phát triển không ngừng về mọi mặt.

Các kiến thức, kĩ năng của môn Toán ở tiểu học có nhiều ứng dụng trong đời sống; chúng rất cần thiết cho người lao động, rất cần thiết để học tốt các môn học khác ở Tiểu học và chuẩn bị cho việc học tốt môn Toán ở bậc trung học.

Có thể nói những kiến thức toán học ở bậc tiểu học là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho việc học toán. Có được những kiến thức toán này không những giúp các em tự tin trong quá trình học tập, mà còn giúp các em tự tin trong tính toán sinh hoạt hàng ngày.

Môn Toán góp phần rất quan trọng trong việc rèn luyện phương pháp suy nghĩ, giải quyết vấn đề, góp phần phát triển trí thông minh. Các phẩm chất trí tuệ có thể rèn luyện cho HS bao gồm: tính độc lập, tính linh hoạt, tính nhuần nhuyễn, tính sáng tạo.

2. Mục tiêu dạy học môn Toán lớp 1

2.1. Về kiến thức:

Học sinh lớp 1 khi học Toán, bước đầu cần nắm được một số kiến thức cơ bản, đơn giản:

- + Về đếm, đọc viết, so sánh các số trong phạm vi 100, cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- + Giải toán có lời văn.
- + Nhận biết điểm, đoạn thẳng, hình tam giác, hình vuông.
- + Nhận thức được độ dài và đo độ dài trong phạm vi 20cm.
- + Biết xem đồng hồ, các ngày trong tuần lễ.

2.2. Về kĩ năng

Các em khi mới bước vào học toán lớp 1 sẽ được hình thành và rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, đếm, so sánh các số trong phạm vi 100. Các em phải rèn luyện kĩ năng về cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100, đo và ước lượng độ dài đoạn thẳng, nhận biết hình vuông hình tam giác, hình tròn, điểm, đoạn thẳng.

Học sinh lớp 1 còn phải đảm bảo giải được một số dạng toán đơn giản về cộng trừ, bước đầu biết diễn đạt bằng lời, bằng kí hiệu (cm) một số nội dung đơn

giản của bài học và thực hành. Hiểu trình bày được phần bài giải của các dạng bài toán có lời văn, có một phép tính cộng hoặc trừ trong phạm vi 100.

2.3. Về thái độ

Các em đang ở độ tuổi rất nhỏ, mà người ta thường ví là “tờ giấy trắng”, chúng ta “viết gì” lên đó, nó sẽ hằn sâu trong trí óc và hình thành nhận thức cho trẻ. Vì thế, việc dạy toán học lớp 1 sẽ góp phần giáo dục cho học sinh tính chính xác, tính khoa học, phát triển tư duy và hứng thú học toán cho trẻ độ ở tuổi này.

3. Đặc điểm chung của học sinh khi giải toán có lời văn ở lớp 1

3.1. Vài nét về tâm lí học sinh lớp 1

Đi học lớp 1 là một giai đoạn mới trong cuộc đời của trẻ. Từ giai đoạn lấy hoạt động vui chơi làm chủ đạo, trẻ bước vào lớp 1 phải làm quen với hoạt động học tập, một hoạt động có ý thức, đòi hỏi HS phải làm việc có tổ chức, có mục đích. Các em phải ngồi nghe bài, phải học bài, phải làm theo các yêu cầu của giáo viên... Những thay đổi này làm cho một số em trong giờ học thường rụt rè, bỡ ngỡ chưa thích nghi được dẫn đến không tập trung nghe giáo viên giảng bài, còn ham chơi trong giờ học... Những đặc điểm tâm lí trên đòi hỏi người giáo viên lớp 1 cần chú ý tạo động cơ học tập cho HS một cách nhẹ nhàng giúp HS hứng thú với việc học toán.

Mặt khác tri giác của HS lớp 1 còn yếu chưa có khả năng phân tích tổng hợp, không ổn định, ít đi vào chi tiết, tri giác thường gắn với hình ảnh trực quan nhưng trí tưởng tượng của các em vẫn còn đơn giản chưa bền vững dễ thay đổi.

Đặc biệt ở lứa tuổi này tư duy của trẻ phát triển từ trực quan cụ thể đến trừu tượng hoá, nên các em thường quan tâm chú ý đến các môn học, giờ học có đồ dùng trực quan sinh động, nhiều tranh ảnh với nhiều màu sắc hấp dẫn. Các em rất ham chơi, thích làm việc theo ý mình, nhưng thích bắt chước người khác đặc biệt là giáo viên, trẻ coi thầy giáo cô giáo là thần tượng thích làm theo thầy cô giáo. Như vậy trong quá trình giảng dạy chúng ta cần giúp học sinh phát triển tư duy và trí tưởng tượng bằng cách biến các kiến thức khô khan thành những hình ảnh có cảm xúc, bằng những câu hỏi mang tính gợi mở gần gũi với các em, thu hút các em tích cực hoạt động trong giờ học tiếp thu bài tốt giúp các em phát triển toàn diện.

3.2. Đặc điểm chung của học sinh giải toán có lời văn ở lớp 1.

Dạy học giải toán có lời văn có vị trí quan trọng trong dạy học giải toán ở tiểu học. Thông qua dạy - học giải toán học sinh được củng cố, khắc sâu các kiến thức về số học, về đại lượng và đo đại lượng, về hình học...

Mặt khác, dạy học giải toán còn giúp rèn luyện ở học sinh các kỹ năng tính toán với các phép tính về số học, quan trọng hơn cả là giúp học sinh hình

thành phương pháp giải toán, rèn luyện khả năng diễn đạt khi giải toán. Đặc biệt khi thực hiện chương trình toán tiểu học mới, nội dung dạy học giải toán có lời văn được xây dựng theo hướng toàn diện hơn, hoàn chỉnh hơn. Chính vì vậy mà ngay ở lớp 1 HS đã học giải hoàn chỉnh bài toán có lời văn với đầy đủ các bước giải: lời giải, phép tính, đáp số. Mỗi bài học về giải toán có lời văn là một thử thách với HS, và không phải học sinh nào cũng vượt qua một cách dễ dàng, nên việc học giải toán có lời văn của HS ở lớp 1 còn có một số hạn chế sau đây:

Học sinh rất lúng túng khi nêu câu lời giải, thậm chí nêu sai câu lời giải, viết sai phép tính, viết sai đáp số. Những tiết đầu tiên của bài giải toán có lời văn chỉ có số ít học sinh biết nêu lời giải, viết đúng phép tính và đáp số. Số còn lại là rất mơ hồ, các em chỉ nêu theo quán tính hoặc nêu miệng thì được nhưng khi viết các em lại rất lúng túng, hay làm sai, một số em làm đúng nhưng khi cô hỏi lại thì không biết để trả lời. Điều đó chứng tỏ các em chưa nắm được chắc chắn cách giải bài toán có lời văn. Giáo viên phải mất rất nhiều công sức khi dạy đến phần này.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VIỆC DẠY GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN Ở LỚP 1

1. Đặc điểm chung của trường

- Số lớp: 21 lớp
- Số HS: 1080 em
- Khối lớp 1 có: 228 em (chia ra 4 lớp).
- Đặc điểm chung:
 - + Là một trường ven đô thuộc ngoại thành Hà Nội.
 - + Trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia cấp độ 1. Các lớp đều có phương tiện dạy học hiện đại, màn hình 55 in, máy tính, máy soi.
 - + Nhà trường trang bị cho giáo viên đầy đủ SGK, sách giáo viên, tài liệu để giảng dạy môn Toán cho HS.
 - + 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và luôn tích cực học tập để trau dồi chuyên môn nghiệp vụ và đổi mới phương pháp dạy học.

2. Một số đặc điểm của học sinh khi giải toán có lời văn ở lớp 1

2.1. Thuận lợi

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn qua các chuyên đề dạy học.
- Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy của giáo viên và học của HS.
- Đã có tất cả bài giảng điện tử.
- Đồ dùng học sinh đầy đủ, phương tiện dạy học hiện đại.
- Phòng học đủ ánh sáng rộng, thoáng mát, khung cảnh sư phạm nhà trường đạt tiêu chuẩn: Trường chuẩn Quốc gia, có đầy đủ phòng chức năng, nhà thể chất, bếp ăn, sân chơi rộng rãi.
- Tôi tự thiết kế và có đủ các bài giảng điện tử, sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học hiện đại. Học sinh có đủ bộ đồ dùng học toán.
- Tôi nhận thức được tầm quan trọng của việc rèn kỹ năng giải toán cho HS, bản thân tôi luôn cố gắng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ sư phạm thông qua việc học tập các chuyên san, tham dự các chuyên đề hội giảng.
- Phụ huynh HS trong lớp tôi chủ nhiệm rất quan tâm đến việc rèn kỹ năng giải toán cho con em mình.
- Đa số các em HS đã được học qua mẫu giáo, biết chăm ngoan hiếu học, vâng lời, lễ phép, đoàn kết với bạn bè, biết chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập trước khi đến lớp.

2.2. *Khó khăn*

**Về phía học sinh:*

- + Học chậm, tiếp thu chậm, còn nhầm lẫn giữa các dạng toán.
- + Diễn đạt lời giải chưa tốt, phép tính chưa rõ ràng.
- + Chưa có khả năng phân tích, tổng hợp hay khả năng phân tích tổng hợp còn rất kém, tiếp thu chậm, học chậm, nhầm lẫn khi giải toán.
- + Kỹ năng tính toán, kỹ năng tư duy ngôn ngữ để đặt lời giải, kỹ năng trình bày bài còn hạn chế, lúng túng khi nêu câu lời giải, thậm chí nêu sai câu lời giải, viết sai phép tính, viết sai đáp số, sai tên đơn vị.
- + Một số học sinh còn ngại hỏi giáo viên khi không hiểu bài, không thích tìm hiểu, khám phá.

**Về phía phụ huynh học sinh:*

Một số phụ huynh chỉ quan tâm dấu hiệu bên ngoài của việc học tập đó là chỉ cần biết tính toán là được. Bên cạnh đó, còn một số gia đình khó khăn, do đó phụ huynh chỉ chăm lo làm kinh tế mà quên quan tâm tới việc học tập và giúp đỡ các em tháo gỡ kịp thời những khúc mắc, khó khăn trong học tập khiến các em bối rối khi làm bài, đặc biệt là Giải toán có lời văn, dẫn đến sự chán nản, thiếu tự tin, từ đó tạo nên những lỗ hổng kiến thức trong học tập của các em.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN CHO HỌC SINH LỚP 1

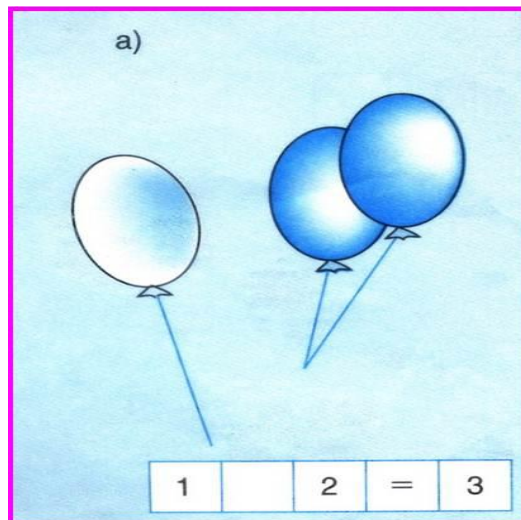
1. Biện pháp thứ nhất: Nguyên cứu nắm vững nội dung chương trình môn toán lớp 1.

Tôi đã nghiên cứu nội dung dạy học giải toán có lời văn ở lớp 1 và chia ra làm 4 mức độ:

+ **Mức độ 1** (Tuần 7 đến tuần 15)

Ngay từ đầu học kỳ I, các bài toán được giới thiệu ở mức độ nhìn hình vẽ - viết phép tính. Mục đích bước đầu cho học sinh làm quen với các tình huống bài toán qua hình vẽ. Học sinh quan sát hình vẽ suy nghĩ chọn phép tính thích hợp điền vào 5 ô vuông sao cho phù hợp với hình vẽ.

Ví dụ 1: Ngay ở tiết học “*Phép cộng trong phạm vi 3*” học sinh đã làm quen với hình vẽ và viết phép tính tương ứng



Bài toán này, tôi đặt mục tiêu giúp học sinh làm quen với việc quan sát hình vẽ để viết phép tính. Đầu tiên tôi hướng dẫn học sinh quan sát:

- + Tranh vẽ gì? (có 3 quả bóng)
- + Các con thấy có mấy quả bóng trắng, mấy quả bóng xanh?
- + Thông qua việc học sinh hiểu hình ảnh, tôi nêu tình huống: “Cô có 1 quả bóng trắng và 2 quả bóng xanh, tất cả cô có 3 quả bóng”. Phép tính tương ứng:

1	+	2	=	3
---	---	---	---	---

Tôi yêu cầu học sinh nhìn vào tranh nêu lại tình huống, và phép tính tương ứng, chỉ ra mối quan hệ giữa tranh, tình huống, và phép tính tương ứng. Ở mức độ này tôi rất chú trọng hướng dẫn học sinh phân tích hiểu tường tận mối quan hệ đi từ tranh ảnh đến tình huống rồi viết được phép tính đúng. Kỹ năng

phân tích, tổng hợp, nhận xét bài bạn cũng được tôi uốn nắn để khắc sâu tư duy logic. Phân phân tích cụ thể tôi xin trình bày ở biện pháp 3.

Trong các tiết học xây dựng bảng cộng bảng trừ học sinh được gặp các bài toán tương tự nhưng có nâng dần mức độ khó.

Ví dụ 2: Tiết: luyện tập chung SGK – trang 48 – Bài tập 4:



--	--	--	--	--

Bài toán này mục đích yêu cầu của chương trình, học sinh trong lớp cần nêu được 1 tình huống tương ứng với tranh. Học sinh viết đầy đủ phép tính gồm cả số, phép tính.

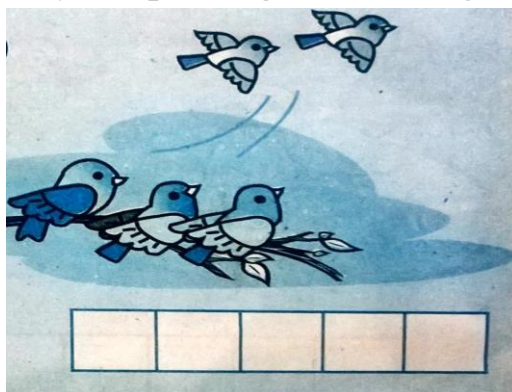
+ Tình huống: Có 1 bạn rủ thêm 3 bạn đi đá bóng. Có tất cả bao nhiêu bạn đi đá bóng.

Học sinh điền được phép tính “ $1 + 3 = 4$ ” hoặc “ $3 + 1 = 4$ ”, với phép tính ngược lại sẽ xảy ra trường hợp học sinh viết được phép tính nhưng không nêu được tình huống tương ứng, nên ở mức độ khó hơn giáo viên cần có sự gợi mở phân tích, luyện kỹ năng nói diễn đạt tình huống theo tranh.

1	+	3	=	4
---	---	---	---	---

3	+	1	=	4
---	---	---	---	---

Ví dụ 3: Tiết: luyện tập chung SGK – trang 63 – Bài tập 4



--	--	--	--	--

HS tập rèn kỹ năng nêu tình huống tương ứng với phép tính tùy với từng đối tượng HS, vừa là để các em học nhanh giúp bạn chậm, cùng tiến bộ qua hoạt động làm việc nhóm, mở rộng các tình huống khó:

Tình huống 1:

Trên cành cây có 5 con chim, 2 con chim bay đi. Hỏi trên cành cây còn lại mấy con chim?

5	-	2	=	3
---	---	---	---	---

Tình huống 2:

Trên cành cây có một số con chim, 2 con chim bay đi, còn lại 3 con chim. Hỏi lúc đầu trên cành cây có bao nhiêu con chim?

2	+	3	=	5
---	---	---	---	---

***Kết quả:** Qua việc nghiên cứu nội dung các bài “viết phép tính thích hợp” tôi chủ động kết hợp các biện pháp để hiệu quả bài dạy đạt kết quả cao nhất: giúp cho học sinh rèn kỹ năng phân tích hình ảnh nêu đúng tình huống và phép tính tương ứng. Học sinh làm tốt dạng bài này sau các em sẽ dễ dàng xác định được dạng bài toán, không viết nhầm phép tính.

+ **Mức độ 2** (Tuần 16 đến tuần 21 - gồm 10 bài toán.)

Đến cuối học kì I, học sinh đã được làm quen với tóm tắt bằng lời. Học sinh từng bước làm quen với lời thay cho hình vẽ, học sinh dần dần thoát ly khỏi hình ảnh trực quan từng bước tiếp cận đề bài toán như bài tập sau.

Ví dụ 1: Bài tập 3 phần b (SGK – trang 87)

Tóm tắt

Có : 10 quả bóng

Cho đi : 3 quả bóng

Còn : ... quả bóng

--	--	--	--	--

Cụ thể học sinh nêu lại được tóm tắt bằng lời theo cách diễn đạt tình huống mà trước đây học sinh thường làm:

Lan có 10 quả bóng bay, Lan cho em 3 quả bóng bay. Hỏi Lan còn bao nhiêu quả bóng bay?

Tùy theo cách diễn đạt của học sinh tôi dẫn dắt học sinh cách nói lời giải dựa vào tình huống hoặc dựa vào tóm tắt:

+ Số quả bóng bay còn lại là :

+ Lan còn lại số quả bóng bay là:

+ Số quả bóng bay Lan còn lại là:

Phép tính tương ứng

10	-	3	=	7
----	---	---	---	---

Ví dụ 2: Bài tập 4 (SGK – trang 92)

Tóm tắt

Có : 5 con cá

Thêm : 2 con cá

Có tất cả :con cá?

5	+	2	=	7
---	---	---	---	---

Ở bài toán này, ngoài việc củng cố luyện nêu tình huống, diễn đạt lời giải bài toán bằng lời, viết phép tính, tôi còn củng cố cho học sinh phân biệt dạng bài toán qua các từ khóa tôi sẽ trình bày rõ hơn ở biện pháp 4.

***Kết quả:** Học sinh được tiếp cận bài toán có lời văn dưới dạng tóm tắt thoát ly hình ảnh, nêu được tình huống, nói được lời giải, viết thành thạo phép tính, đây là bước đệm để học sinh tiến tới giải bài toán có lời văn hoàn chỉnh dễ dàng hơn.

+ Mức độ 3:

Giới thiệu bài toán có lời văn bằng cách cho học sinh tiếp cận với một đề bài toán chưa hoàn chỉnh kèm theo hình vẽ và yêu cầu hoàn thiện. Tư duy học sinh từ hình ảnh phát triển thành ngôn ngữ, thành chữ viết. Cấu trúc một đề toán gồm 2 phần: phần cho biết và phần hỏi, phần cho biết (gồm có 2 yếu tố).

Ví dụ 1: Bài 1- trang 115: Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có bài toán



Bài toán 1: Có....bạn, có thêm....bạn đang đi tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn ?

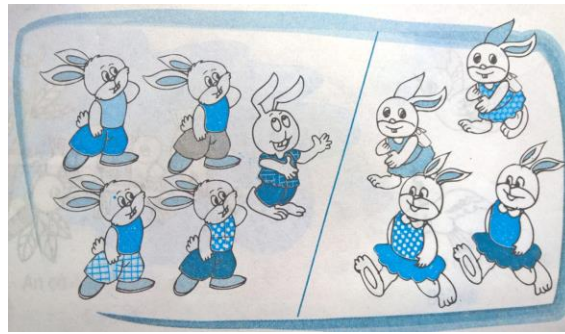
Hướng dẫn học sinh bài toán này tôi không dừng lại ở yêu cầu bài toán là **”Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có bài toán”**, học sinh cần nhận diện câu:

+ Bài toán có mấy câu?

+ Đọc câu văn con vừa điền số theo tranh. (phần cho biết)

+ Đọc câu có dấu chấm hỏi ”?”. (phần hỏi)

+ Từ khóa nào các con đã gặp ở các bài tóm tắt? (có, có thêm, có tất cả.)



Bài toán 2: Có ... con thỏ, có thêm ... con thỏ đang chạy tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu con thỏ ?

Đến bài toán này học sinh cần làm quen với câu hỏi:

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

+ Phần bài toán cho biết có các từ khóa nào? (có, có thêm)

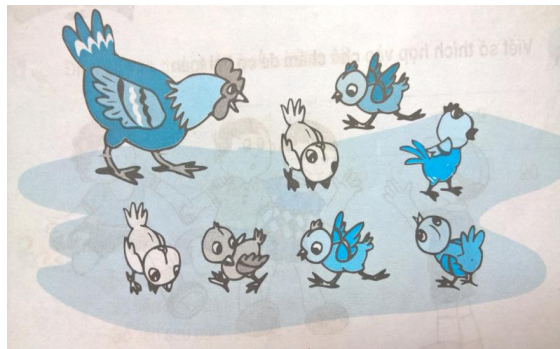
+ Phần bài toán hỏi gì có các từ khóa nào? (có tất cả)

+ Câu hỏi bài toán 1 và bài toán 2 có gì giống nhau có gì khác nhau?

(Giống nhau đều có cụm từ: “**Hỏi có tất cả bao nhiêu**”, dấu “?”)

(Khác nhau bài toán 1 có hình vẽ “**bạn**” thì cuối câu hỏi có từ “**bạn**” còn bài toán 2 có hình vẽ “**con thỏ**” thì cuối câu hỏi có từ “**con thỏ**”).

Phần khai thác này giúp tôi bắt sang bài tập 3 học sinh cũng dễ dàng so sánh nói được câu hỏi bài toán.



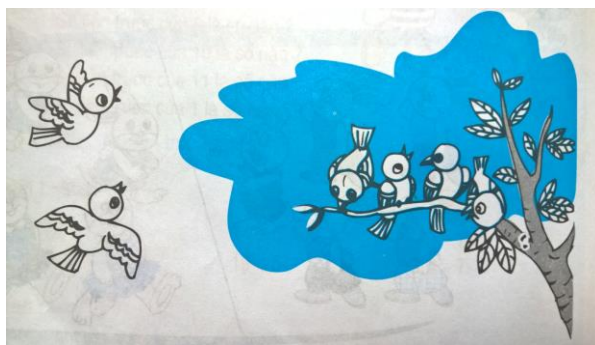
Bài toán 3: Có 1 gà mẹ và có 7 gà con.

Hỏi.....?

Đây là bài tập học sinh được tự viết ra câu hỏi bài toán, học sinh tiếp tục được củng cố nắm vững 2 phần của đề toán, mục đích của từng phần, trả lời được 2 câu hỏi:

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?



Bài toán 4: Có ... con chim đậu trên cành, có thêm....con chim bay đến.

Hỏi

Tôi cho học sinh so sánh:

- + Bài tập 1 và bài tập 2 yêu cầu các con làm gì?
- + Bài tập 1 và bài tập 2 các con điền số vào phần nào bài toán?
- + Bài tập 3 yêu cầu các con làm gì?
- + Bài tập 4 yêu cầu các con làm gì?
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán hỏi gì?

***Kết quả:** Qua 4 bài tập trong tiết học đầu tiên học sinh làm quen với dạng toán: “*Giải toán có lời văn*”, ở mức độ này học sinh hiểu cấu trúc một bài toán có lời văn gồm 2 phần chính đó là: “Phần đầu bài cho biết” - trả lời được câu hỏi bài toán cho biết gì, và “Phần hỏi” (câu hỏi có dấu ?) - trả lời câu hỏi bài toán hỏi gì? Mức độ này rất quan trọng trong việc phân tích tìm hiểu đề bài, từ việc hiểu được đề bài thì học sinh có thể giải được bài toán đúng.

+ Mức độ 4:

Ở lớp 1, học sinh chỉ giải toán về thêm, bớt với 1 phép tính cộng hoặc trừ, mọi học sinh bình thường đều có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách nhẹ nhàng nếu được giáo viên hướng dẫn cụ thể. Tôi giúp học sinh rèn kỹ năng phân tích hiểu đề bài. Câu lời giải trong bài giải không yêu cầu mọi học sinh phải theo mẫu như nhau, tạo điều kiện cho học sinh diễn đạt câu trả lời theo ý hiểu của mình. Quy ước viết đơn vị của phép tính trong bài giải học sinh cần nhớ để thực hiện khi trình bày bài giải.

Bài toán giải bằng phép tính trừ được giới thiệu khi học sinh đã thành thạo giải bài toán có lời văn bằng phép tính cộng. Giáo viên chỉ hướng dẫn cách làm tương tự, thay thế phép tính cho phù hợp với bài toán.

Để nắm vững nội dung, chương trình và dễ theo dõi và lên kế hoạch giảng dạy tôi đã thống kê nội dung dạy học giải toán có lời văn ở lớp 1 như sau:

Nội dung dạy học	Dạng bài tập	Ví dụ	Bài - Trang
Làm quen với "bài toán có lời văn"	- Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có bài toán	Bài toán: Có....con thỏ, có thêm...con thỏ đang chạy tới. Hỏi tất cả có bao nhiêu con thỏ?	2 - 115
	- Viết tiếp câu hỏi để có bài toán	Bài toán: Có 1 gà mẹ và 7 gà con. Hỏi.....?	3 - 116
	- Nhìn tranh vẽ để viết tiếp vào chỗ chấm để có bài toán.	Bài toán: Có... con chim đậu trên cành, có thêm...con chim bay đến. Hỏi.....?	4 - 116
Giải bài toán có lời văn giải bằng phép tính cộng	- Viết số thích hợp vào chỗ chấm	Bài toán: An có 4 quả bóng, Bình có 3 quả bóng. Hỏi cả hai bạn có mấy quả bóng? Tóm tắt: An có :...quả bóng. Bình có :...quả bóng. Cả 2 bạn có : ...quả bóng? Bài giải: Cả hai bạn có:=(quả bóng) Đáp số:...quả bóng	1 - 117
	Viết số thích hợp vào tóm tắt và giải bài toán	Bài toán: Đàn vịt có 5 con dưới ao và 4 con ở trên bờ. Hỏi đàn vịt có tất cả mấy con? Tóm tắt: Dưới ao :...con vịt. Trên bờ :...con vịt. Có tất cả : con vịt? Bài giải:	3 - 118
	Giải bài toán theo tóm tắt	Tóm tắt: Có : 2 gà trống. Có : 5 gà mái. Có tất cả :...con gà?	3 - 122

	Bài toán có liên quan đến số đo độ dài	Bài toán: Đoạn thẳng AB dài 3cm và đoạn thẳng BC dài 6 cm. Hỏi đoạn thẳng AC dài mấy xăng ti mét? Bài giải: 	4 - 125
Giải bài toán có lời văn giải bằng phép tính trừ	Bài toán về "bớt" một số đơn vị	Bài toán: Có 8 con chim đậu trên cây, sau đó có 2 con bay đi. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu con chim? Tóm tắt Có : ... con chim. Bay đi : ... con chim. Còn lại : ... con chim? Bài giải: Số con chim còn lại là: = ... (con) Đáp số: ... con chim.	1 - 148
	Giải bài toán theo tóm tắt	Tóm tắt: Có : 15 hình tròn. Tô màu : 4 hình tròn. Không tô màu: ... hình tròn? Bài giải: 	4 - 151
	Bài toán có liên quan đến số đo độ dài	Bài toán: Một thanh gỗ dài 97cm bố em cắt bớt 2 cm. Hỏi thanh còn lại dài bao nhiêu cm? Bài giải: 	2 - 169

***Kết quả:** Nội dung chương trình môn toán lớp 1: đã xây dựng trên cấu trúc chung là đi dần từ kiến thức dễ đến khó. Trong chương II tương ứng với việc hình thành các bảng cộng trừ trong phạm vi 10 là học sinh được làm quen

với các tình huống qua việc quan sát tranh để viết phép tính thích hợp phù hợp với khả năng nhận thức của HS. Sang chương III học sinh thực sự làm quen với toán có lời văn với những bài giải có đủ các bước. Nhờ nắm vững các mức độ và hệ thống nội dung chương trình tôi từng bước giúp HS nắm được cách giải các bài toán có lời văn chính xác.

2. Biện pháp thứ hai: Giúp học sinh lớp 1 ham thích học giải toán có lời văn.

Chúng ta đều biết khi làm việc gì thì cần phải có hứng thú, có niềm đam mê thì mới đạt kết quả khả quan. Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, ngay từ đầu năm tôi thấy có một số học sinh năm nay các em nhút nhát, chậm chạp, chưa chăm học nên tôi phải thể hiện cả 3 vai trò thân thiện đối với các em “ Vừa là cô giáo, vừa là người mẹ hiền, vừa là người bạn thân của các em”. Tôi luôn gần gũi trò chuyện tâm sự với các em, giúp các em mạnh dạn và tự tin trong học tập theo khẩu hiệu ***“Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”***, thực hiện tốt cuộc vận động ***“Xây dựng trường học thân thiện - Học sinh tích cực học tập”***, kết hợp theo sát nắm vững hoàn cảnh và trình độ tiếp thu bài của từng em. Từ đó tôi đã sắp xếp vị trí chỗ ngồi cho các em theo hướng khá kèm yếu phân đôi bạn cùng tiến để các em tự kiểm tra bài cho nhau về việc học bài và chuẩn bị bài ở nhà. Đặc biệt trong mỗi tiết dạy tôi luôn cho các em được giải lao hoạt động giữa giờ, tổ chức các trò chơi kết hợp vài động tác đơn giản, tạo không khí vui nhộn để giảm sự căng thẳng mệt mỏi và gây hứng thú học tập cho các em. Song song đó tôi liên hệ với quý phụ huynh để trao đổi cụ thể việc học tập của các em để phụ huynh thường xuyên quan tâm theo dõi nhắc nhở các em học tập trong thời gian ở nhà.

Cuối tuần tôi cho các em tự nhận xét những ưu điểm, khuyết điểm của mình trong học tập, đề động viên khen ngợi kịp thời những em học tập có tiến bộ trong tuần, đồng thời lồng ghép kể chuyện nêu gương điển hình về học tập như: vượt khó học tập, con ngoan, trò giỏi... cho các em nghe từ đó xây dựng cho các em thái độ học tập tốt. Phân tích cho các em nhận thấy tầm quan trọng của việc học giải bài toán có lời văn. Qua đó các em thấy được những ứng dụng thực tế của cách giải bài toán có lời văn rất cần thiết vận dụng xuyên suốt bậc tiểu học và trong cuộc sống hàng ngày của các em.

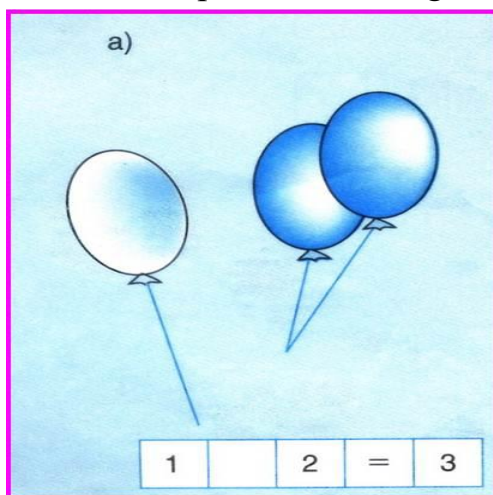
Kết hợp với gia đình giúp các em làm quen với toán có lời văn qua các tình huống thực tế hàng ngày anh, chị, bố, mẹ đồ con cụ thể như: “Mẹ cho anh 2 cái kẹo, cho em 3 cái kẹo. Mẹ cho hai anh em tất cả mấy cái kẹo?”; “Chị có 6 nhãn vở cho em 2 nhãn vở, chị còn mấy nhãn vở?”. Gợi ý cho HS biết đọc tình huống đó lại mọi người trong gia đình. Bằng cách này bài toán được thấm dần

vào tư duy của HS giúp HS yêu thích môn toán có lời văn ngay từ cái nôi ở gia đình mình.

3. Biện pháp thứ ba: Rèn kĩ năng nhìn tranh, nêu phép tính.

Tôi thấy việc dạy học sinh “Giải toán có lời văn” đối với học sinh lớp 1 là vô cùng khó. Mặc dù đến tận tuần 23, học sinh mới chính thức học cách giải toán có lời văn, song tôi đã phải có ý thức chuẩn bị từ xa cho việc làm ngay từ bài: Phép cộng trong phạm vi 3 - tiết luyện tập ở tuần 7. Ở thời điểm này, học sinh lớp tôi chỉ có vài em đọc thông viết thạo, nhưng tôi đã rèn luyện cho học sinh kĩ năng làm các bài tập : “Nhìn tranh nêu phép tính” qua từng bước sau:

- + Xem tranh vẽ;
- + Diễn đạt tình huống bằng lời;
- + Nêu câu trả lời;
- + Điền phép tính thích hợp với tình huống trong tranh.



Thông qua việc học sinh hiểu hình ảnh, tôi nêu tình huống: “Cô có 1 quả bóng trắng và 2 quả bóng xanh, tất cả cô có 3 quả bóng”.

- + Với tình huống trên cô đã quan tâm đến số bóng nào trước? Vì sao?
- + Số bóng nào cô nêu sau?

Tôi yêu cầu học sinh lên chỉ số bóng tương ứng với số trong phép tính:

- 1 quả bóng trắng tương ứng với số 1 điền vào ô đầu tiên của phép tính tương ứng.
- 2 quả bóng xanh tương ứng với số 2 điền vào ô sau dấu + của phép tính tương ứng.
- 3 quả bóng chỉ tất cả tương ứng với số 3 điền vào ô cuối cùng của phép tính tương ứng.

Ví dụ 1: tiết luyện tập - bài 5 - trang 46.

Sau khi cho học sinh xem tranh. Tôi cho học sinh nêu bằng lời: “Có 1 bạn thở, có thêm 1 bạn thở đi tới. Hỏi có tất cả mấy bạn thở?”



Từ đó học sinh viết vào dãy 5 ô trống để có phép tính.

1	+	1	=	2
---	---	---	---	---

Cứ như thế đến tuần 17, học sinh lớp tôi đã quen với việc đọc, nêu tình huống bằng lời, sau đó nêu bài giải và tự điền số vào phép tính thích hợp vào ô trống. Nhưng ở đây, mức độ nâng dần lên, tôi chú ý hướng dẫn học sinh chậm trong lớp cũng tập làm quen nêu tình huống bằng lời. Rồi từ phép tính điền được, tôi hỏi học sinh ngược lại yêu cầu học sinh nêu tình huống bằng lời.

Ví dụ 2: Bài 5 (phần b) - trang 50.

Viết phép tính thích hợp:

Nội dung tranh: 4 con chim đang đậu - 1 con nữa bay đến - có tất cả mấy con chim?

Học sinh có thể nêu bài toán bằng nhiều cách khác nhau:

+ *Cách 1:* Có 4 con chim đang đậu, 1 con nữa bay đến. Hỏi có tất cả mấy con chim?

4	+	1	=	5
---	---	---	---	---

+ *Cách 2 :* Có 1 con chim đang bay đến chỗ 4 con chim đang đậu trên cành. Hỏi trên cành có tất cả mấy con chim?

1	+	4	=	5
---	---	---	---	---

+ *Cách 3:* Có 5 con chim, trong đó có 1 con chim vừa bay đến. Lúc đầu trên cành có mấy con chim?

5	-	1	=	4
---	---	---	---	---

+ *Cách 4:* Có tất cả 5 con chim, trong đó có 4 con chim đậu trên cành. Hỏi có mấy con chim đã bay đến?

5	-	1	=	4
---	---	---	---	---

Qua bài tập này, học sinh có rất nhiều cách giải nên tôi không áp đặt cho học sinh chỉ có một cách giải mà khuyến khích học sinh nêu nội dung bài toán, bài toán có nhiều cách tìm ra đáp số đúng nhưng tôi hướng cho học sinh thực

hiện cách 1. Các cách còn lại tôi động viên học sinh nào nêu được là rất tốt, không nêu được thì không bắt buộc.

Từ bài này, tôi cứ làm như vậy, học sinh quen dần với cách nêu bài toán bằng miệng, các em sẽ dễ dàng viết câu lời giải sau này.

Ở tiết: *Bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10*. Tôi đã cho học sinh tiếp cận với giải toán ở học kì II.

Ví dụ 3: Bài 3 (phần b) trang 87

Tóm tắt

Có : 10 quả bóng.

Cho : 3 quả bóng.

Còn : quả bóng ?

Ở bài toán này không có tranh vẽ, tôi cho học sinh đọc kĩ tóm tắt. Dựa vào tóm tắt, học sinh có thể nêu đề toán bằng lời ví dụ như: “Hoa có 10 quả bóng, Hoa cho bạn 3 quả bóng. Hỏi Hoa còn lại mấy quả bóng?” Học sinh nêu được câu trả lời bằng lời : “Hoa còn lại 7 quả bóng”.

10	-	3	=	7
----	---	---	---	---

Ngoài ra, tôi còn cho học sinh đồ nhau đọc đề toán theo cách của mình.

Như vậy, ở học kì 1, chủ yếu giúp học sinh thực hiện thao tác đọc đề toán, khâu này sẽ có hai tác dụng đó là: Học sinh rèn kĩ năng đọc hiểu và thao tác xem tranh vẽ, tập phát biểu bài toán bằng lời, tập nêu câu trả lời và điền phép tính thích hợp (với tình huống trong tranh).

4. Biện pháp thứ tư: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề toán.

Sang học kì 2, chính thức học giải toán có lời văn từ tuần 23. Lúc này, học sinh được học về cấu tạo của bài toán có lời văn gồm hai phần chính: Những cái đã cho (đã biết) và cái phải tìm (chưa biết), nhưng khó có thể giải thích cho học sinh bài toán là gì nên tôi chỉ giới thiệu 2 bộ phận của bài toán cụ thể: Những cái đã cho (dữ kiện) cái cần tìm (câu hỏi).

Ví dụ 1: Bài 1- trang 115 có yêu cầu: *Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có bài toán*



Bài toán: Có....bạn, có thêm....bạn đang đi tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?

Ở bài toán này, đầu tiên tôi đưa tranh cho học sinh nêu tình huống (đây là tình huống học sinh đã học trong tiết Luyện tập phép cộng trong phạm vi 4 – trang 48). Tôi yêu cầu học sinh đọc đồng thanh để nhớ tình huống. Tôi dẫn dắt: “Tình huống các con vừa nêu bằng lời khi được viết bằng văn bản chính là bài toán có lời văn”.

Sau đó tôi đưa ra bài tập yêu cầu 2 học sinh đọc yêu cầu của bài: “Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có bài toán”. Học sinh đọc bài toán: Có....bạn, có thêm....bạn đang đi tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?

Tôi cho HS tự điền số vào bài tập:

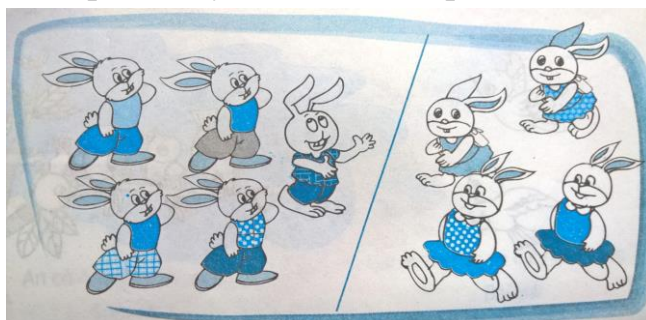
Có 1 bạn, có thêm 3 bạn đang đi tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?

HS đọc bài toán đã hoàn chỉnh, trả lời câu hỏi:

+ Phần bài toán các con vừa điền số cho con biết gì? (Cho biết có 1 bạn, có thêm 3 bạn đang đi tới) – Giới thiệu đây là: **phần đầu bài cho biết**.

+ Phần câu hỏi: Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn? – Giới thiệu đây là: **phần đầu bài hỏi gì**.

Tương tự bài tập 2 như yêu cầu ở bài tập 1



Bài toán 2: Có ... con thỏ, có thêm ... con thỏ đang chạy tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu con thỏ?

HS tự quan sát tranh điền vào phần đề bài cho biết để hoàn chỉnh bài toán: **Có 5 con thỏ, có thêm 4 con thỏ đang chạy tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu con thỏ?**

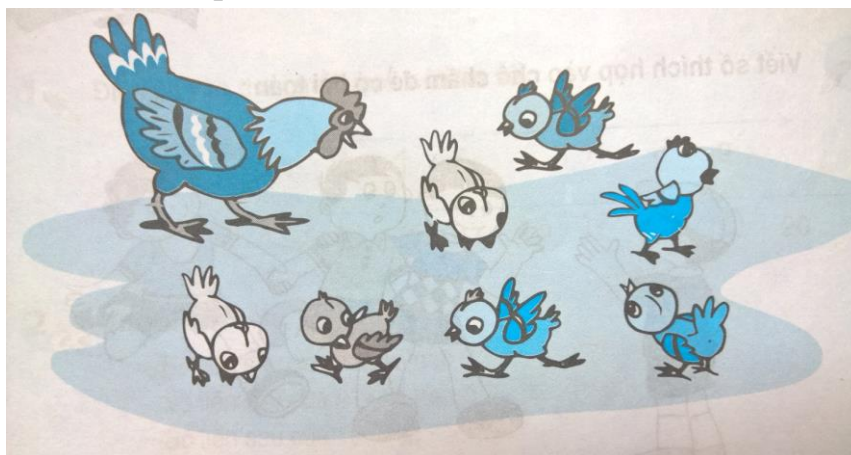
Tôi yêu cầu học sinh xác định rõ hai phần của bài toán qua các câu hỏi:

+ Bài toán cho biết gì? (**Có 5 con thỏ, có thêm 4 con thỏ**)

+ Bài toán hỏi gì? (**có tất cả bao nhiêu con thỏ**)

Phần bài toán cho biết là những thông tin đã biết dựa trên đó ta tìm kết quả phép tính trả lời cho câu hỏi “**Đầu bài hỏi gì**”. Tôi giúp học sinh xác định rõ 2 phần của bài toán qua bài tập 2.

Bài toán 3: Viết tiếp câu hỏi để có bài toán.



Có 1 gà mẹ và có 7 gà con.

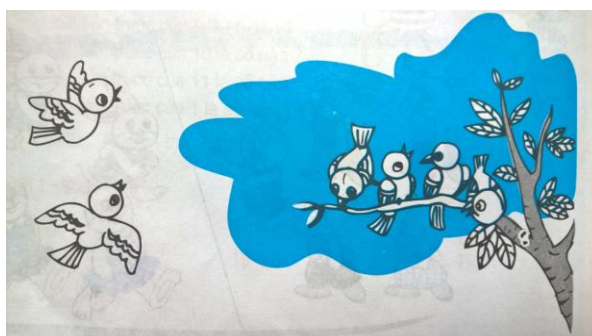
Hỏi

Từ hai bài tập học sinh nhận diện những từ ngữ lặp đi lặp lại có trong phần “**Đầu bài hỏi gì**”, qua đó giúp học sinh nêu được câu hỏi ở bài tập 3.

Có 1 gà mẹ và có 7 gà con.

Hỏi có tất cả bao nhiêu con gà?

Ở bài tập 4 với yêu cầu cao hơn học sinh cần viết tiếp vào chỗ chấm ở cả 2 phần của bài toán với yêu cầu sau: “**Nhìn tranh vẽ, viết tiếp vào chỗ chấm để có bài toán**”.



Bài toán 4: Có...con chim đậu trên cành, có thêm...con chim bay đến.

Hỏi

Sau khi hoàn chỉnh tôi hỏi xuôi, hỏi ngược lại 2 phần bài toán:

Có 4 con chim đậu trên cành, có thêm 2 con chim bay đến.

Hỏi trên cành cây có tất cả bao nhiêu con chim?

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

+ Có 4 con chim đậu trên cành cây, có thêm 2 con chim bay đến – thuộc phần nào của bài toán?

+ Hỏi trên cành cây có tất cả bao nhiêu con chim? – thuộc phần nào của bài toán?

Để củng cố giúp học sinh nắm chắc được 2 phần chính của Bài tập có lời văn tôi cho HS làm phiếu sau:

Qua các thao tác này, bước đầu, tôi đã dẫn dắt học sinh tìm được hai phần chính của bài toán có lời văn. Đây là điểm tựa cơ bản để tôi tập cho học sinh làm quen với việc tóm tắt bài toán. Học sinh làm tốt yêu cầu nhìn tranh nêu các dữ liệu bài toán thành thạo.

Ví dụ: Bài 1– Trang 121

Trong vườn có 12 cây chuối, bố trồng thêm 3 cây chuối. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây chuối?

Tôi yêu cầu HS: **“Hãy gạch 1 gạch dưới đề bài cho biết gì, gạch hai gạch dưới đề bài hỏi gì”**.

Sau khi nghe yêu cầu của tôi HS sẽ phải: *“Mắt nhìn đọc đề toán, đầu suy nghĩ xem đâu là cái cho biết để gạch chân đúng một gạch, và tìm xem đâu là trọng tâm câu hỏi để gạch cho đúng hai gạch”*.

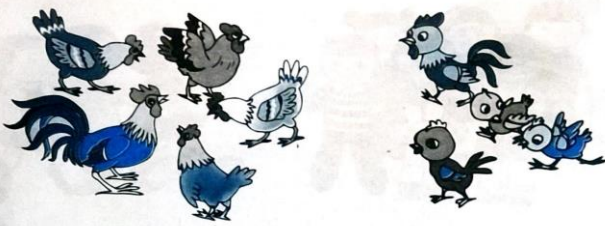
Trong vườn có 12 cây chuối, bố trồng thêm 3 cây chuối. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây chuối?

Đến giai đoạn này, tiết học tiếp theo về giải toán có lời văn, đã có đầy đủ dữ kiện và câu hỏi, tôi đi sâu vào hướng dẫn học sinh tóm tắt bài toán. Tôi cho học sinh đọc to, rõ nội dung bài toán, hướng dẫn học sinh đọc và hiểu một số từ khóa quan trọng có trong đề toán như : *thêm, tất cả; bớt hay bớt đi; ăn mất, còn lại; bay đến, bay đi,...* kết hợp hình minh họa để học sinh hiểu thêm.

5. Biện pháp thứ năm: “Hướng dẫn học sinh lựa chọn lời giải, phép tính và viết đáp số”

Sau khi học sinh đã biết tóm tắt bài toán một cách chắc chắn, thành thạo, tôi hướng dẫn học sinh thao tác viết lời giải và phép tính dựa vào câu hỏi bài toán để trả lời. Ví dụ bài toán trên, tôi gợi ý, hướng dẫn để học sinh lồng cốt câu lời giải vào trong tóm tắt để dựa vào đó học sinh dễ viết câu lời giải hơn.

Ví dụ 1: Bài toán: Nhà An có 5 con gà, mẹ mua thêm 4 con gà. Hỏi nhà An có tất cả mấy con gà?



Bài toán : Nhà An có 5 con gà, mẹ mua thêm 4 con gà. Hỏi nhà An có tất cả mấy con gà ?

Tóm tắt	Bài giải
Có : 5 con gà	Nhà An có tất cả là :
Thêm : 4 con gà	$5 + 4 = 9$ (con gà)
Có tất cả : ... con gà ?	Đáp số : 9 con gà.

Sau khi học sinh quan sát tranh minh hoạ (SGK) rồi đọc bài toán, cần giúp học sinh xác định rõ cái đã cho và cái phải tìm giáo viên đặt câu hỏi để tìm dữ kiện bài toán:

- + Bài toán cho biết gì? (Nhà An có 5 con gà)
- + Bài toán còn cho biết gì nữa? (Mẹ mua thêm 4 con gà)
- + Bài toán yêu cầu tìm gì? (Nhà An có tất cả mấy con gà)

(Học sinh trả lời giáo viên dùng phấn màu gạch chân dữ kiện bài toán)

Sau khi đã tìm được dữ kiện bài toán giáo viên có thể hướng dẫn các em viết câu lời giải theo 4 cách sau:

Cách 1: Dựa vào câu hỏi của bài toán rồi bỏ bớt từ đầu (Hỏi) và cuối (mấy con gà?) để có câu lời giải: “Nhà An có tất cả:” hoặc thêm từ ***là*** để có câu lời giải “Nhà An có tất cả là:”.

Cách 2: Đưa từ “con gà” ở cuối câu hỏi lên đầu thay thế cho từ “Hỏi” và thêm từ ***Số*** (ở đầu câu), là ở cuối câu để có “Số con gà nhà An có tất cả là:”.

Cách 3: Giáo viên nêu miệng câu hỏi: “Hỏi nhà An có tất cả mấy con gà?” để học sinh trả lời miệng: “Nhà An có tất cả 9 con gà” rồi chèn phép tính vào để có cả bước giải (gồm câu lời giải và phép tính):

Nhà An có tất cả là:

$$5 + 4 = 9 \text{ (con gà)}$$

Cách 4: Sau khi học sinh tính xong: $5 + 4 = 9$ (con gà). Giáo viên chỉ vào 9 rồi hỏi: “9 con gà ở đây là của nhà ai?” (là số gà nhà An có tất cả). Từ câu trả lời của học sinh ta giúp các em chỉnh sửa thành câu lời giải: “Số gà nhà An có tất cả là”... Qua ví dụ trên ta thấy có nhiều cách hướng dẫn giúp các em viết câu lời giải, tùy vào trình độ tiếp thu bài của học sinh giáo viên lựa chọn cách hướng dẫn phù hợp nhất không nên bắt buộc nhất thiết phải theo một kiểu. Sau khi học sinh đã nêu được câu lời giải tiếp tục hướng dẫn các em viết phép tính như sau:

Giáo viên nêu tiếp: “Muốn biết nhà An có tất cả mấy con gà ta làm tính gì? (tính cộng); Mấy cộng với mấy? ($5 + 4$); 5 cộng 4 bằng mấy? ($5 + 4 = 9$); Hoặc “Muốn biết nhà An có tất cả mấy con gà em tính thế nào? ($5 + 4 = 9$); Hoặc “Nhà An có tất cả mấy con gà? ($5 + 4 = 9$). Tới đây giáo viên gợi ý để học sinh nêu tiếp “9 này là 9 con gà” nên ta viết “con gà” vào dấu ngoặc đơn: $5 + 4 = 9$ (con gà). Để bài toán đầy đủ các bước giáo viên hướng dẫn các em viết đáp số.

Đây là tiết đầu tiên các em làm toán có lời văn nên các em không biết trình bày bài toán vào sớ sai vì vậy giáo viên rất vất vả phải hướng dẫn thật tỉ mỉ từng bước của bài toán sau đó hướng dẫn cách trình bày vào vở. Giáo viên vừa hướng dẫn vừa trình bày bài toán mẫu (không viết kết quả) trên bảng khoảng 1

tuần để các em viết vào vở ô li cho quen dần như vậy sau này các em mới có kỹ năng trình bày bài toán có lời văn.

Bài giải

Nhà An có tất cả là:

$$5 + 4 = 9 \text{ (con gà)}$$

Đáp số : 9 con gà

Trên đây là mẫu toán đơn điền hình của phần giải toán có lời văn ở lớp 1. Tôi đã đưa ra phương pháp dạy từ dễ đến khó để học sinh có thể giải toán mà không gặp khó khăn ở bước viết câu lời giải. Tối thiểu học sinh có lực học trung bình yếu cũng có thể chọn cho mình 1 cách viết lời giải đơn giản nhất bằng cụm từ : **“Có tất cả là:”**.

Còn học sinh khá giỏi các em có thể chọn cho mình được nhiều câu lời giải khác nhau nâng dần độ khó thì lời giải càng hay và sát với câu hỏi hơn.

Ví dụ 2: Bài 3 (SGK – 122)

Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt:

Có : 2 con gà trống

Có : 5 con gà mái

Có tất cả : ... con gà?

Gặp bài toán này học sinh ít tính sai mà còn lúng túng khi viết tên đơn vị ở kết quả phép tính và viết đơn vị ở đáp số chưa đúng yêu cầu bài toán. Nên ngay từ khi phân tích đề bài tôi chỉ cho học sinh thấy điểm khác nhau giữa đơn vị đi kèm hai số liệu cho biết:

Có: 2 gà trống

Có: 5 gà mái

Do trên thực tế gà chia hai loại: gà trống, gà mái – Mặc dù cũng là gà nhưng do gà trống và gà mái có đặc điểm riêng khác nhau: gà trống mào to, gáy được, gà mái đẻ trứng. Cũng như trong một lớp có học sinh nam phân biệt với học sinh nữ. Khi gộp số gà trống với gà mái lại thì chúng được gọi chung là con gà. Nên ở phần yêu cầu cần tìm của bài toán tên đơn vị không nói riêng là gà mái hay gà trống mà gọi chung là con gà.

Khi đã gộp số gà trống với số gà mái lại được số lượng gà chính là kết quả của phép tính cộng:

$$2 + 5 = 7 \text{ (con gà)}$$

Thì tên đơn vị ở đây viết đúng giống như tên đơn vị ở phần yêu cầu đi tìm là “con gà” chứ không viết được là 7 gà trống hay 7 gà mái trái ngược với bài toán cho biết.

Tương ứng đáp số: 7 con gà

Học sinh nào chưa hiểu đầu bài còn viết là 7 gà trống hay 7 gà mái thì khi chữa bài tôi cho so sánh: ở trên đầu bài toán đã cho biết 2 gà trống, 5 gà mái tại sao ra đáp số.

Ví dụ 3: Bài 2 (SGK – 123)

Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Đoạn thẳng AB : 5cm

Đoạn thẳng BC : 3cm

Cả hai đoạn thẳng : ... cm?

Khi tôi hướng dẫn học sinh phân tích đề bài toán: “Bài toán cho biết gì?”, “Bài toán yêu cầu tìm gì?”, như các bài toán có lời văn học sinh thường hay phân tích tìm hiểu đề bài. Học sinh thường gặp khó khăn ở bài này là cách trình bày lời giải sao cho dễ hiểu rõ ý và viết tên đơn vị sao cho đúng. Tôi giải thích cho học sinh nắm được điểm khác biệt.

Cũng bài toán này là bài toán có liên quan đến đơn vị đo độ dài nên dễ hiểu khi viết lời giải thường có chữ “dài” – tên đơn vị “cm” không viết tắt mà cần viết rõ: “xăng-ti-mét”. Cách viết tắt chỉ áp dụng khi tên đơn vị đi liền với số

Cách 1: “Cả hai đoạn thẳng dài là: ” – Đây là cách viết lời giải ngắn gọn dễ viết.

Cách 2: “Độ dài của hai đoạn thẳng là: ”.

Cách 3: “Cả hai đoạn thẳng dài số xăng-ti-mét là: ”.

Cách 4: “Số xăng-ti-mét của hai đoạn thẳng dài là: ”.

Để khắc sâu cách viết lời giải tôi cho học sinh luyện nói lời giải cho nhau nghe theo nhóm bài. Bài toán này khó với học sinh không chỉ là viết lời giải mà khi trình bày viết tên đơn vị sau kết quả phép tính và viết đơn vị ở đáp số học sinh cũng hay nhầm. Để ý lỗi sai của học sinh khi gặp bài toán này học sinh hay viết tên đơn vị là: “Đoạn thẳng”.

$$5 + 3 = 8 \text{ (đoạn thẳng)}$$

Đáp số: 8 đoạn thẳng

Để tránh lỗi sai học sinh dễ mắc phải. Tôi gợi ý giúp học sinh nắm chắc đơn vị của các số liệu bài toán cho biết bằng cách: tôi yêu cầu học sinh chỉ tên đơn vị sau Số liệu cho biết, rồi trả lời câu hỏi:

+ Đơn vị đi kèm sau số liệu cho biết là gì? (Tên đơn vị đứng sau 5 là xăng-ti-mét, đứng sau 3 là xăng-ti-mét) viết tắt là cm.

Vậy thì tên đơn vị đứng sau kết quả phép tính theo các cm là gì? (cm)

Lưu ý khi viết đáp số cần chú ý viết đơn vị kèm số cần quan sát nhìn lại kết quả phép tính và đơn vị ở hàng trên.

Với học sinh còn viết nhầm tên đơn vị vào phép tính như:

$$5\text{cm} + 3\text{cm} = 8\text{ (cm)}$$

Khi chữa bài tôi nhắc lại cách viết phép tính không được viết tên đơn vị kèm số trong phép tính khác với bài 4 (tính theo mẫu – T122):

$$2\text{cm} + 3\text{cm} = 5\text{cm}$$

Rồi yêu cầu học sinh chữa bài làm lại cho đúng. Mỗi khi gặp bài toán có tên đơn vị cm tôi thường lưu ý nhắc nhở học sinh tránh lỗi sai nhầm tên đơn vị để học sinh chú ý viết đúng.

Ví dụ 4: Bài 3 (SGK-158)

Quyển sách của Lan gồm 64 trang, Lan đã đọc được 24 trang. Hỏi Lan còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì hết quyển sách?

Bài toán này học sinh chưa biết sắp xếp viết câu lời giải cho rõ ý, đủ nghĩa. Có học sinh viết câu trả lời dựa vào câu hỏi của bài toán thường hay lúng túng, không rõ tên đơn vị đi kèm số của số cần tìm, nên dù học sinh tính đúng nhưng hay viết sai tên đơn vị như:

$$64 - 24 = 40 \text{ (quyển sách)}$$

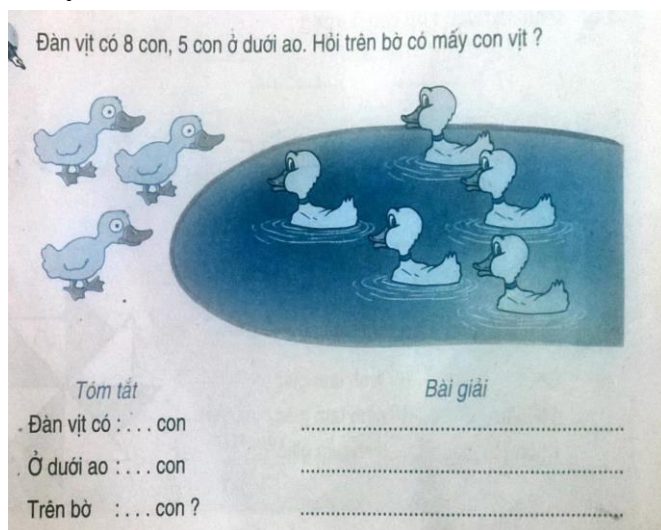
Lý do là học sinh còn mơ hồ, chưa hiểu những số liệu bài toán cho biết có đơn vị là “trang”, chứ không phải là “quyển sách”. Học sinh cứ nhìn vào câu lời giải.

VD: Lan cần phải đọc số trang nữa thì hết quyển sách là:

Nên đã viết nhầm tên đơn vị là 40 (quyển sách)

Để giúp học sinh giải đúng, ngay từ lúc phân tích đề bài

Ví dụ 5: Đàn vịt có 8 con, 5 con ở dưới ao. Hỏi trên bờ có mấy con vịt?



Bài toán này là một dạng bài toán có lời văn được giải bằng phép tính trừ nhưng cần phân tích hiểu kĩ đầu bài thì học sinh mới làm tính đúng. Qua nhiều

năm giảng dạy tôi nhận thấy học sinh còn hay nhầm lẫn giữa bài toán giải bằng phép tính cộng với bài toán giải bằng phép tính trừ .

Do vậy khi phân tích đề bài tôi kết hợp với hình vẽ rồi giúp học sinh tư duy logic: So sánh số vịt dưới ao, số vịt trên bờ với cả đàn vịt: số vịt cả đàn tách ra 2 phần: một phần số các con vịt dưới ao $5 < 8$; một phần số các con vịt trên bờ: $3 < 8$. Nên khi tách một đàn vịt thành hai phần . Số lượng con vịt ở mỗi phần sẽ ít hơn cả đàn vịt lúc đầu. Mà muốn tính số lượng con vịt ở phần chưa biết là số ít số ban đầu đã biết, ta lấy số vịt cả đàn trừ số vịt ở phần đã biết. Chốt lại: dạng bài toán tìm số lượng ở phần chưa biết ta làm tính trừ.

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ

1. Giáo viên:

Trong năm học 2016 - 2017, qua quá trình giảng dạy môn toán, đặc biệt là giải toán có lời văn, tôi đã áp dụng các biện pháp giải toán có lời văn như trên cho học sinh lớp 1 tôi đã thu được kết quả sau:

Về giảng dạy môn toán đã được tốt hơn, hiệu quả hơn. Tôi đã tham gia dạy tiết chuyên đề toán bài: “giải toán có lời văn” đạt kết quả tốt và được phổ biến áp dụng trong khối.

Qua đề tài "**Một số kinh nghiệm dạy giải toán có lời văn cho học sinh lớp 1**" năng lực chuyên môn của tôi được nâng cao. Trong Hội thi Giải toán trên internet cấp Huyện khối 1 chúng tôi đã áp dụng giúp học sinh đạt được thành tích khả quan.

Các bài giảng điện tử dạy giải toán có lời văn được chúng tôi áp dụng trong giảng dạy trong khối và góp phần nâng cao chất lượng dạy môn Toán nói riêng và giảng dạy của trường nói chung ngày càng được nâng cao hơn.

2. Học sinh:

Tôi thấy kết quả học sinh nào cũng yêu thích giải các bài toán có lời văn với sự tiến bộ rõ rệt. Kỹ năng giải toán có lời văn của các em tốt lên rất nhiều. Các em mạnh dạn tự tin hơn khi làm bài tập toán, biết trao đổi khi viết câu lời giải khó tạo không khí học tập tích cực giúp nhau cùng tiến.

Kết quả giữa học kì II, điểm kiểm tra môn toán của lớp tôi đạt 100% học sinh đạt yêu cầu môn toán và có thành tích Giải toán trên internet cấp Huyện. Điều này chứng tỏ các biện pháp tôi đưa ra bước đầu đã có những hiệu quả nhất định. Kết quả học tập môn toán của các em tiến bộ nói riêng và các môn học khác các em cũng có những bước tiến khả quan hơn. Từ đó chất lượng và hiệu quả học tập của lớp tôi cũng được nâng cao. Phụ huynh rất vui mừng trước kết quả học tập của con em mình.

* Kết quả môn toán giữa học kì II:

- Sĩ số lớp 53 học sinh.

Môn Toán	Số lượng	Tỉ lệ
+ Số học sinh hoàn thành tốt	24/53 em	45,3%
+ Số học sinh hoàn thành	29/53 em	54,7%

* Kết quả Giải toán trên internet cấp Huyện:

- Số học sinh thi : 8 em.

Môn Toán	Số lượng	Tỉ lệ
+ Số học sinh đạt giải nhất	2/8 em	25%
+ Số học sinh đạt giải nhì	3/8 em	37,5%
+ Số học sinh đạt giải khuyến khích	1/8 em	12,5%
+ Số học sinh chưa đạt giải	2/8 em	25%

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên đây tôi đã mạnh dạn đưa ra những biện pháp nhỏ giúp học sinh giải toán có lời văn tốt hơn. Việc giải toán có lời văn chính xác ngay từ năm học lớp 1 có ý nghĩa quan trọng trong tâm lý học giải toán của học sinh giúp các em tự tin và có những tiền đề vững vàng trong quá trình giải toán có lời văn ở các lớp trên. Tôi thiết nghĩ việc đổi mới phương pháp dạy học là một việc quan trọng ở các trường tiểu học hiện nay nhằm đưa giờ dạy trên lớp có hiệu quả thực sự. Nó đòi hỏi sự tận tụy sáng tạo của người thầy khi làm việc để các em học sinh đều phát huy hết khả năng học tập của mình. Đó chính là nghệ thuật của mỗi người giáo viên.

Sau khi áp dụng trên lớp những biện pháp trên tôi thấy có hiệu quả rõ rệt, tôi bèn mạnh dạn đưa ra bàn bạc triển khai trong khối 1. Kết quả thu được rất khả quan. Hầu hết các em học sinh rất có hứng thú khi giải toán có lời văn. Các em tự tin bước vào kì thi cuối học kì II với kết quả đạt được 100% học sinh đạt yêu cầu. Kết quả này đã góp phần không nhỏ thúc đẩy phong trào học tập của nhà trường lên cao.

2. Bài học kinh nghiệm:

Qua những việc tôi đã làm và kết quả thu được tôi đã rút ra những kinh nghiệm:

Thứ nhất: Giáo viên phải luôn có ý thức trau dồi kiến thức, nâng cao tay nghề, có tinh thần trách nhiệm, hết lòng vì học sinh thân yêu.

Thứ hai: Phải biết xây dựng và dựa vào sức mạnh đoàn kết trong tập thể giáo viên.

Thứ ba: Phải xây dựng phong trào học tập, lòng yêu thích say mê ham học hỏi của học sinh.

3. Khuyến nghị với các cấp:

* **Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội:** Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, tổ chức xây dựng các chuyên đề.

* **Đối với Phòng:** Tham mưu với các cấp lãnh đạo bổ sung cơ sở vật chất đảm bảo phòng học đạt chuẩn. Xây dựng cơ sở vật chất trường lớp đảm bảo sĩ số 35 học sinh/1 lớp.

Bổ sung thêm trang thiết bị hiện đại phục vụ cho các tiết học.

* **Đối với trường:**

- Mua thêm một số trang thiết bị dạy học để tạo điều kiện cho giáo viên trong giảng dạy.

- Tổ chức nhiều chuyên đề hơn để giáo viên được học hỏi, trau dồi kinh nghiệm trong giảng dạy.

Với sáng kiến kinh nghiệm: "**Một số kinh nghiệm dạy giải toán có lời văn cho học sinh lớp 1**" là một số kinh nghiệm nhỏ của bản thân tôi đã áp dụng giảng dạy tốt trong môn Toán.

Tôi rất mong sự đóng góp ý kiến của các cấp lãnh đạo, các bạn đồng nghiệp để quá trình giảng dạy của tôi đạt hiệu quả cao hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2017